

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HSST**

Ngày: 29/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 15/01/2021 đối với bị cáo:

Bùi Quang T, tên gọi khác: B; sinh ngày 02/5/2001 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Quang Sơn C, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, học văn hóa đến lớp 8 thì nghỉ học, ở nhà.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/10/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Tôn Nữ Thị Lan A, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 73 đường H, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Xuân C, sinh năm: 1983; địa chỉ: 988 đường N, phường P, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Ông Bùi Quang Sơn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 5, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên hệ: 2/13 đường L, phường P, thành phố

Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người làm chứng: Chị Hồ Thị D, sinh năm 1998; địa chỉ: Cu Tài 2, A Bung, huyện Đắc Krông, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/10/2019, tại nhà của chị Tôn Nữ Thị Lan A ở Lô C28 Đông Nam Thủy An, phường A, thành phố Huế, Bùi Quang T và Hồ Thị D (sống chung như vợ chồng với T) lập hợp đồng thuê 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 75F1-078.21 với giá 100.000 đồng để đi chơi trong ngày. Hồ Thị D để lại cho chị Lan A 01 chứng minh nhân dân của D. Sau khi đi chơi, T chở D về nhà mình ở tổ 5, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do thiếu tiền nên T nảy sinh ý định mang xe mô tô đi cầm cố, T nói với D là mang xe đi trả. T lấy giấy chứng minh nhân dân của mình rồi điều khiển xe mô tô đến hiệu cầm đồ Xuân Bảo của Trần Xuân C. Tại đây, T nói dối với Trần Xuân C là xe của T nhưng quên không mang theo giấy tờ xe rồi cầm cố lấy 13.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó, T vẫn tiếp tục trả tiền thuê xe cho chị Tôn Nữ Thị Lan A, khi trả được 2.500.000 đồng thì không có khả năng trả được nữa nên T không liên lạc với chị Tôn Nữ Thị Lan A. Do không thấy T mang trả xe và không liên lạc được với T nên chị Tôn Nữ Thị Lan A truy tìm thì được biết xe mô tô của mình đã bị Trương đem đi cầm cố nên đã trình báo công an thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

Trần Xuân C giao nộp: Một xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75F1-078.21; một hợp đồng giao nhận cầm cố; một chứng minh nhân dân số 192108244 mang tên Bùi Quang T.

Tôn Nữ Thị Lan A giao nộp: Một bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 75F1-078.21 đứng tên Tôn Nữ Thị Lan A; một bản sao chứng minh nhân dân số 197372048 mang tên Hồ Thị D; một hợp đồng thuê xe máy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 164/KL- HĐĐG ngày 22/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Trị giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75F1-078.21, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 18.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại xe mô tô biển số 75F1-078.2 cho chủ sở hữu là chị Tôn Nữ Thị Lan A.

Đối với Trần Xuân C khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 75F1-078.21 không biết đây là tài sản do Bùi Quang T phạm tội mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, việc nhận cầm cố tài sản không có giấy tờ sở hữu nên Công an thành phố Huế chuyển hồ sơ cho Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Hồ Thị D cùng đi thuê xe với T và đứng tên thuê xe nhưng không biết việc T lợi dụng để chiếm đoạt xe mô tô 75F1-078.21 nên không có căn cứ để xử lý Hồ Thị D với vai trò đồng phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Tôn Nữ Thị Lan A không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông Bùi Quang Sơn C là bố của bị cáo đã bồi thường cho anh Trần Xuân C 13.000.000 đồng, anh C không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Bùi Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Bùi Quang T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Quang T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ tài liệu đã thu giữ theo hồ sơ vụ án để bảo đảm việc xét xử.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 21/10/2019, tại Lô C28 Đông Nam Thủy An, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Bùi

Quang T đã thuê của chị Tôn Nữ Thị Lan A 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 75F1-078.21 trị giá 18.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Hành vi của bị cáo Bùi Quang T bằng thủ đoạn lạm dụng tín nhiệm của người khác để thuê tài sản rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó đem đi cầm cố. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị 18.000.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Bùi Quang T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe nhưng lười lao động, không lo làm ăn mà chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân thể hiện xem thường pháp luật, nên cần có một mức án nghiêm khắc, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và yên tâm cải tạo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 75F1-078.21, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với giấy chứng minh nhân dân số 192108244 mang tên Bùi Quang T thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với các tài liệu, chứng cứ thu được gồm: Một hợp đồng giao nhận cầm cố; một hợp đồng thuê xe máy đề ngày 21/10/2019, là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Quang Sơn C là bố của bị cáo đã bồi thường cho anh Trần Xuân C 13.000.000 đồng, anh C không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bùi Quang T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ Hợp đồng giao nhận cầm cố và Hợp đồng thuê xe máy đề ngày 21/10/2019 trong hồ sơ vụ án.

- Trả lại chứng minh nhân dân số 192108244 mang tên Bùi Quang T cho bị cáo Bùi Quang T.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 3 năm 2019;

Tại Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với:

1/Bị cáo Thái Trần Thế Hữu (tên gọi khác: Ky), sinh ngày 18/02/1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2/ Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3/ Căn cứ kết tội bị cáo:

Khoảng 14 giờ 30 ngày 01/8/2018, tại số nhà 14B kiệt 195 đường Nguyễn Trãi, phường Tây Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Thái Trần Thế Hữu đã có hành vi mượn của ông Thái Đăng Đô xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 75D1-300.68 trị giá 34.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Thái Trần Thế Hữu bằng thủ đoạn gian dối, lạm dụng tín nhiệm của người thân để họ tin tưởng giao tài sản và chiếm đoạt đem đi cầm cố. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị 34.000.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Thái Trần Thế Hữu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4/ Điều luật áp dụng đối với bị cáo: Điểm a, Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

5/ Hình phạt đối với bị cáo:

Xử phạt: 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 14/11/2018.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

6. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Đình Cường số tiền 13.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/8/2018 trong hồ sơ vụ án.

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thái Trần Thế Hữu phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

9/ Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo quy định của tố tụng hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

10/ Không có kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 0 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tóm lại, tình tiết "*Phạm tội nhiều lần*" bao gồm năm nội dung sau:

1. Phạm tội nhiều lần là người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau
2. Nếu tách ra từng hành vi phạm tội riêng lẻ thì mỗi hành vi ấy đã đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập.
3. Tất cả các hành vi phạm tội đó đều được quy định tại một điều luật cụ thể trong phần riêng BLHS, có thể cùng một khoản, có thể phạm tội ở các khoản khác nhau của cùng một điều luật.
4. Các hành vi phạm tội đó chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
5. Nếu điều luật có quy định về giá trị tài sản hoặc thiệt hại về tài sản thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội cộng lại.

Về phân trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Quang bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Lê Thị Thuỷ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xem xét xử phạt bị cáo một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề xuất tại phiên tòa, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.